

KHXH, XÃ HỘI HỌC, NHÂN LOẠI HỌC VÀ DÂN TỘC HỌC

1/. D'ANGELO, RAYMOND. Taking sides: Clashing views in race and ethnicity / Raymond D'Angelo, Herbert Douglas. - Tenth Edition, 2014. - 268p. : tab ; 28cm

Ký hiệu môn loại: 305.8008900973/T103-I

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006513

2/. GAYNOR, VIOLET, [E AUTHOR.. The glow : an inspiring guide to stylish motherhood / written by Violet Gaynor ; photography by Kelly Stuart ; foreword by Cynthia Rowley.. - New York : Stewart, Tabori & Chang, 2014. - 223 pages : illustrations (some color) ; 29cm

Tóm tắt: "The Glow provides a rare glimpse into the world of fashionable mothers at home, capturing tender moments between them and their young ones and sharing their inspiration, insights and a few of their favorite things. Violet Gaynor and Kelly Stuart, creators of the popular website TheGlow.com, bring their unique vision of motherhood to the page through gorgeous photographs and intimate interviews with tastemaker moms that follow the path from pregnancy to parenthood with wry wit, charming advice, and a deep understanding of the affectionate relationship between parent and child. Inside these pages, the stylish moms reveal everything from personal style to home decor, recipes, fitness, beauty, marriage, and more."

Ký hiệu môn loại: 306.8743/GL435

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006511-6512

3/. GUEST, KENNETH J.. Cultural anthropology : a toolkit for a global age / Kenneth J. Guest, Baruch College, the City University of New York.. - First edition.. - New York : W.W. Norton & Company, 2014. - xxxi, 693 pages : color illustrations, maps ; 25cm

Includes bibliographical references and index.

Ký hiệu môn loại: 301/C501T

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006537-6538

4/. Indiana - Social studies : Grade 4 / James A. Banks, Kevin P. Colleary, Linda Greenow.... - Columbus : McGraw-Hill Education, 2014. - xii, 266 p. ; 30 cm

Ký hiệu môn loại: 301.0974889/I-311D

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006521-6522

5/. KERBO, HAROLD R.. Social stratification and inequality : Class conflict in historical, comparative, and global perspective / Harold R. Kerbo. - New York : McGraw-Hill, 2012. - xiii, 519 p. : ill. ; 24cm

Bibliogr.: p. R1-R48. - Ind.: p. I1-I36

Ký hiệu môn loại: 305.50973/S419-I

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006514

6/. Leading with spirit, presence, and authenticity / Kathryn Goldman Schuyler, John Eric Baugher, Karin Jironet (ed.)... - San Francisco, CA : Jossey-Bass, 2014. - xxix, 254 pages ; 22cm. - (Nternational Leadership Association series)

Includes bibliographical references and indexes.

Ký hiệu môn loại: 303.34/L200D

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006549

7/. MA, SUZANNE. Meet me in Venice : a Chinese immigrant's journey from the Far East to the Faraway West / Suzanne Ma.. - Lanham : Rowman & Littlefield, 2015. - xvi, 161 pages : illustrations, maps ; 24cm

Includes bibliographical references (pages 151-157).

Ký hiệu môn loại: 305.48/M201T

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006547

8/. QUINLAN, JOSEPH. Gender lens investing : Uncovering opportunities for growth, returns, and impact / Joseph Quinlan, Jackie VanderBrug. - Hoboken : Wiley, 2017. - xxvi, 214 p. : fig. ; 24cm

Bibliogr. at the end of the chapter. - Ind.: p. 203-214

Ký hiệu môn loại: 305.42/G203D

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006532

KHOA HỌC TỰ NHIÊN

- 1/. MULLINS, OLIVIA J.. Experimenting with science / Olivia J. Mullins. - Hoboken : Wiley, 2016. - iv, 124 p. : fig., phot. ; 22cm
Ký hiệu môn loại: 507.8/E207P
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006554-6555

KHOA HỌC VỀ TRÁI ĐẤT

- 1/. HILLMAN, BRUCE J.. The man who stalked Einstein : how Nazi scientist Philipp Lenard changed the course of history / Bruce J. Hillman, Birgit Ertl-Wagner, and Bernd C. Wagner.. - Guilford, Connecticut : LP, 2015. - xvi, 212 pages ; 24cm
Includes bibliographical references and index.
Ký hiệu môn loại: 550.092/M105W
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006553

TOÁN HỌC

- 1/. Algebra 2 / by McGraw-Hill Education. - Columbus : McGraw-Hill, 2010. - 1232 p. ; 27cm
Ký hiệu môn loại: 512/A103G
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006566-6567
- 2/. Core-plus mathematics : Contemporary mathematics in context : Course 2 / Christian R. Hirsch, James T. Fey, Eric W. Hart.... - Columbus : McGraw-Hill Education, 2015. - xvii, 623 p. : ill. ; 26cm
Ký hiệu môn loại: 510/C434E
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006563
- 3/. Core-plus mathematics : Contemporary mathematics in context : Course 3 / Christian R. Hirsch, James T. Fey, Eric W. Hart.... - Columbus : McGraw-Hill Education, 2015. - xvii, 641 p. : ill. ; 26cm
Ký hiệu môn loại: 510/C434E
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006562
- 4/. Core-plus mathematics : Preparation for calculus : Course 4 / Christian R. Hirsch, James T. Fey, Eric W. Hart.... - Columbus : McGraw-Hill Education, 2015. - xvii, 646 p. : ill. ; 26cm
Ký hiệu môn loại: 510/C434E
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006560-6561
- 5/. Everyday mathematics : Student reference book / Max Bel. - Common core state standards ed.. - Chicago : McGraw-Hill Education, 2012. - xi, 436 p ; 29cm
Ký hiệu môn loại: 510/E207E
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006568-6569
- 6/. Glencoe Algebra 1 / by Glencoe (Author). - New York : McGraw Hill, 2012. - 867p. ; 30cm
Ký hiệu môn loại: 512/A103G
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006564-6565
- 7/. LANGE, WALTER H.. Mathematics : For business and personal finance / Walter H. Lange, Temoleon G. Rousos. - New York : Glencoe, 2010. - 738p. ; 27cm
Ký hiệu môn loại: 510/M110H
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006710, NA.006729
- 8/. Pre-Algebra / by Glencoe (Author). - New York : McGraw Hill, 2012. - 947p. ; 30cm
Ký hiệu môn loại: 512/PR200A
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006558-6559

VẬT LÝ

- 1/. MCLAUGHLIN, CHARLES WILLIAM. Physical science / Charles William McLaughlin; Marilyn Thompson; Dinah Zike. - Columbus, OH : McGraw-Hill Education, 2016. - xxi, 853 pages : color illustrations ; 29 cm + 1 teacher edition (29 cm)

Ký hiệu môn loại: 530/PH610-I
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006556-6557

KỸ THUẬT

- 1/. MCCOMB, GORDON. Building your own robots / Gordon McComb. - Hoboken : Wiley, 2016. - v, 123 p. ; 22cm
Ký hiệu môn loại: 629.892/B510L
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006646-6647
- 2/. MCCUE, CAMILLE. Getting started with engineering / Camille McCue. - Hoboken : Wiley, 2016. - vi, 122 p. ; 22cm
Ký hiệu môn loại: 620.1/G207T
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006644-6645
- 3/. SHAMIEH, CATHLEEN. Electronics for kids for dummies / Cathleen Shamieh. - Hoboken, New Jersey : For Dummies, a Wiley Brand, 2016. - x, 339 pages ; 24cm
Ký hiệu môn loại: 621.381/E201E
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006613
- 4/. SHAMIEH, CATHLEEN. Getting started with electronics / Cathleen Shamieh. - Hoboken : Wiley, 2016. - vi, 122 p. ; 22cm
Ký hiệu môn loại: 621.381/G207T
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006648-6649

NÔNG NGHIỆP

- 1/. Robinson's current therapy in equine medicine / Ed.: Kim A. Sprayberry, N. E. Robinson. - Missouri : Elsevier/Saunders, 2015. - xxviii, 985 p. : ill. ; 24cm
Bibliogr. at the end of the chapter. - Ind.: p. 955-985
Ký hiệu môn loại: 636.1089/R400B
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006599

QUẢN LÝ NHÀ CỬA VÀ GIA ĐÌNH

- 1/. WEBER, JEANETTE. Clothing: Fashion, Fabrics & Construction / Jeanette Weber. - Glencoe : McGraw-Hill, 2008. - 608p. ; 27cm
Ký hiệu môn loại: 646/CL435H
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006575-6576

QUẢN LÝ VÀ QUAN HỆ CÔNG CỘNG

- 1/. ALTSCHULER, MAX. Hacking sales : The ultimate playbook and tool guide to building a high velocity sales machine / Max Altschuler. - Hoboken : Wiley, 2016. - xvi, 144 p. ; 24cm
Ký hiệu môn loại: 658.81/H101K
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006650
- 2/. ANDERSON, DAVE. It's not rocket science : 4 simple strategies for mastering the art of execution / Dave Anderson. - Hoboken : Wiley, 2015. - xxi, 223 p. ; 24cm
Bibliogr.: p. 211-214. - Ind.: p. 215-223
Ký hiệu môn loại: 658/I-314S
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006654
- 3/. ARONSON, MERRY.. The public relations writer's handbook : The digital age / Merry Aronson, Don Spetner, Carol Ames.. - San Francisco, CA : Jossey-Bass, 2007. - xvi, 349 p : ill ; 24cm
Includes bibliographical references (p.329-333) and index.
Ký hiệu môn loại: 659.2/P505L
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006671
- 4/. AUBREY, SARAH BETH. Find grant funding now! / Sarah Beth Aubrey. - Hoboken : Wiley, 2014. -

xxv, 226 p. ; 24cm

App.: p. 211-220. - Ind.: p. 221-226

Ký hiệu môn loại: 658.15224/F311D

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006657

5/. BERMAN, KAREN. Financial intelligence : A manager's guide to knowing what the numbers really mean / Karen Berman, Joe Knight, John Case. - Massachusetts : Harvard Business Review Press, 2013. - xv, 284 p. ; 24cm

App.: p. 261-263. - Ind.: p. 271-284

Ký hiệu môn loại: 658.1511/F311A

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006606

6/. BLOCK, PETER. The empowered manager : Positive political skills at work / Peter Block. - 2nd ed.. - Hoboken : Wiley, 2017. - xxi, 213 p. ; 25 cm

Ký hiệu môn loại: 658.4/E202P

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006643

7/. BOUDREAU, JOHN W.. Lead the work : Navigating a world beyond employment / John Boudreau, Ravin Jesuthasan, David Creelman.. - Hoboken, New Jersey : Wiley, 2015. - xxi, 277 p. ; 24cm

Includes index.

Ký hiệu môn loại: 658.301/L200D

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006655

8/. BRITTON, MATT. Youthnation : Building remarkable brands in a youth - driven culture / Matt Britton. - Hoboken : Wiley, 2015. - xxv, 292 p. ; 24cm

Ký hiệu môn loại: 658.827/Y435T

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006615

9/. BRITTON, MATT. Youthnation : Building remarkable brands in a youth-driven culture / Matt Britton. - Hoboken : Wiley, 2015. - xxv, 292 p. : phot. ; 24cm

Bibliogr.: p. 259-266. - Ind.: p. 267-292

Ký hiệu môn loại: 658.827/Y435T

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006668

10/. BURNISON, GARY, 1961-. The Leadership journey : how to master the four critical areas of being a great leader / Gary Burnison. - Hoboken, New Jersey : WILEY, 2015. - x, 96 pages ; 19cm

Ký hiệu môn loại: 658.4092/L200D

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006610

11/. CALAGIONE, SAM. Off-centered leadership : The Dogfish Head guide to motivation, collaboration and smart growth / Sam Calagione. - Hoboken : Wiley, 2016. - xviii, 254 p., 8 p. of col. phot. : phot. ; 24cm

Ký hiệu môn loại: 658.4092/O-427F

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006598

12/. CARLBERG, CONRAD GEORGE. Excel® sales forecasting for dummies = Microsoft Excel sales forecasting for dummies / By Conrad Carlberg. Ph. D.. - Hoboken, NJ : John Wiley & Sons, Inc., 2016. - xii, 392p. : Ill. ; 24cm. - (For dummies)

Includes index.

Tóm tắt: A guide to using Microsoft Excel to organize and forecast sales data.

Ký hiệu môn loại: 658.8180285554/E207C

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006662

13/. COX, IAN. Visual six sigma : Making data analysis lean / Ian Cox, Marie A. Gaudard, Mia L. Stephens. - New Jersey : Wiley, 2016. - xvii, 553 p. : fig., tab. ; 26cm

Ký hiệu môn loại: 658.4013/V313U

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006625-6626

14/. Cross-border mergers and acquisitions / Scott C. Whitaker (ed.), Gilles Ourvoie, Michael Holm....

- Hoboken : Wiley, 2016. - xxii, 440 p. ; 24cm
Ind.: p. 425-440

Ký hiệu môn loại: 658.162/CR434S

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006665-6666

15/. DAVIS, ROBERT A.. Demand-driven inventory optimization and replenishment : Creating a more efficient supply chain / Robert A. Davis.. - Hoboken, New Jersey : Wiley, 2016. - xvi, 304 pages : illustrations. - (Wiley and SAS business series)

Revised edition of the author's Demand-driven inventory optimization and replenishment,

Ký hiệu môn loại: 658.787/D202A

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006602

16/. DEMPSTER, CRAIG. The rise of the platform marketer : Performance marketing with Google, Facebook, and Twitter, plus the latest high-growth digital advertising platforms / Craig Dempster, John Lee. - Hoboken : Wiley, 2015. - xii, 228 p. ; 24cm

Ký hiệu môn loại: 658.872/R313E

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006619

17/. DIAMOND, STEPHANIE,. Content marketing strategies for dummies / by Stephanie Diamond.. - Hoboken, NJ : John Wiley & Sons, Inc., 2016. - xii, 386p. : Ill. ; 23cm. - (For dummies)

Includes index.

Ký hiệu môn loại: 658.872/C430T

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006659

18/. Difficult conversations : Craft a clear message, manage emotions, focus on a solution. - Boston : Harvard Business Review Press, 2016. - ix, 110 p. : tab. ; 18cm. - (20 minute manager series)

Bibliogr.: p. 101-103. - Ind.: p. 105-110

Ký hiệu môn loại: 658.45/D309F

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006628

19/. DILLON, KAREN. HBR guide to office politics : Rise above rivalry. Avoid power games. Build better relationships / Karen Dillon. - Boston : Harvard Business Review Press, 2014. - 175p. ; 22cm. - (Harvard business review guides)

Ind.: p. 171-174

Ký hiệu môn loại: 650.13/H000R

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006583

20/. DRUCKER, PETER F.. The Peter F. Drucker reader : Selected articles from the father of modern management thinking / Drucker, Peter F.. - Boston : Harvard Business Review Press, 2017. - xi, 165 p. : fig. ; 21cm. - (Ind.: p. 159-165)

Ký hiệu môn loại: 658/P207E

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006580

21/. DUARTE, NANCY. HBR guide to persuasive presentations : Inspire action. Engage the audience. Sell your ideas / Nancy Duarte. - Boston : Harvard Business Review Press, 2012. - xvii, 229 p. : ill. ; 22cm. - (Harvard business review guides)

Index: p. 223-227

Ký hiệu môn loại: 658.452/H000B

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006582

22/. EGNAL, BART. Leading through language : Choosing words that influence and inspire / Bart Egnal.. - Hoboken : Wiley, 2016. - xxv, 226 pages ; 24cm

Includes index.

Ký hiệu môn loại: 658.45/L200D

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006656

23/. EVANS, MIKE. Achieve with accountability : Ignite engagement, ownership, perseverance, alignment & change / Mike Evans. - Hoboken, New Jersey : WILEY, 2017. - xix, 172 p. ; 24cm

Includes index

Ký hiệu môn loại: 650.1/A101H

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006651

24/. FERRELL, O. C.. Business : A changing world / O. C. Ferrell, Geoffrey A. Hirt, Linda Ferrell. - 9th ed.. - New York : McGraw-Hill Irwin, 2014. - xxxiv, 616 p. : ill. ; 25 cm

Ind.: p. 591-616

Ký hiệu môn loại: 650/B512-I

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006595

25/. Finance basics : Decode the jargon, navigate key statements, gauge performance. - Boston : Harvard Business Review Press, 2014. - ix, 131 p. : fig. ; 18cm. - (20 minutes manager series)

Bibliogr.: p. 121. - Ind.: p. 123-131

Ký hiệu môn loại: 658.15/F311A

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006629

26/. FREI, FRANCES. Uncommon service : How to win by putting customers at the core of your business / Frances Frei, Anne Morriss. - Boston : Harvard Business Review Press, 2012. - x, 247 p. ; 24cm

Ind.: p. 233-243

Ký hiệu môn loại: 658.812/U512C

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006622

27/. FREI, FRANCES. Uncommon service : How to win by putting customers at the core of your business / Frances Frei, Anne Morriss. - Boston : Harvard Business Review Press, 2012. - x, 247 p. : fig. ; 24cm

Ind.: p. 233-243

Ký hiệu môn loại: 658.812/U512C

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006670

28/. GALLO, AMY. HBR guide to dealing with conflict / Amy Gallo. - Boston : Harvard Business Review Press, 2017. - xxviii, 191 p. : tab. ; 23 cm. - (Harvard Business Review guides)

Ind.: p. 185-192

Ký hiệu môn loại: 658.4053/H000B

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006591

29/. Getting work done : Prioritize your work, be more efficient, take control of your time. - Boston : Harvard Business Review Press, 2014. - viii, 108 p. : tab. ; 18 cm. - (20 minute manager series)

Bibliogr.: p. 95-101. - Ind.: p. 103-108

Ký hiệu môn loại: 650.11/G207T

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006630

30/. GITOMER, JEFFREY H.. Jeffrey Gitomer's little book of leadership / Jeffrey H. Gitomer. - Hoboken : John Wiley & Sons, 2011. - 222p. ; 19cm

Ký hiệu môn loại: 658.4092/J201T

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006612

31/. Giving effective feedback : Check in regularly, handle tough conversations, bring out the best. - Boston : Harvard Business Review Press, 2014. - viii, 96 p. ; 18 cm. - (20 minute manager series)

Bibliogr.: p. 89-90. - Ind.: p. 91-96

Ký hiệu môn loại: 658.3125/G305-I

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006631

32/. GOLEMAN, DANIEL.. Primal leadership : unleashing the power of emotional intelligence / Daniel Goleman, Richard Boyatzis, Annie McKee.. - Tenth anniversary edition.. - Boston, Massachusetts : Harvard Business Review Press, 2013. - xxi, 306 pages ; 21cm

Includes bibliographical references (pages 257-290) and index.

Ký hiệu môn loại: 658.4092019/PR301A

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006672

33/. GOTHELF, JEFF. Sense & respond / Jeff Gothelf. - Boston : Harvard Business Review Press, 2017. - 253p. ; 24cm

Ký hiệu môn loại: 658.812/S203S

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006617

34/. GRESHES, WARREN,. The best damn management book ever : 9 keys to creating self-motivating high achievers / Warren Greshes.. - Hoboken, NJ : Wiley, 2012. - xv, 128 p ; 19cm

Tóm tắt: "A practical guidebook to managing a stellar staff of high-achievers The Best Damn Management Book Ever teaches managers, executives, and business owners how to create a staff of self-motivated, confident, high-achieving, self-starters. Acclaimed author of The Best Damn Sales Book Ever, Warren Greshes draws from years of experience to offer practical, easy-to-implement steps explained through entertaining, informative real-life stories. Learn to communicate more effectively with the people who report to you. The Best Damn Management Book Ever delivers actionable advice to hone your leadership skills. Install the self-starting generator in your people, enabling them to perform at a high level whether you're there or not Gain insight and determine each employee's "Hot Buttons" and motivators Correctly manage the three distinct groups that comprise every organization Delegate more effectively Use your time as a manager, executive, and business owner more efficiently Become the best damn leader your staff needs to achieve their goals and blow away the competition"--Provided by publisher.

Ký hiệu môn loại: 658/B206T

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006673

35/. GUNELIUS, SUSAN.. Content marketing for dummies / by Susan Gunelius.. - Hoboken, NJ : Wiley Pub.,, 2011. - xiv, 346p. ; 24cm. - (For dummies)

Includes index.

Tóm tắt: Learn what content marketing is and how to develop a strategy for your business. The trick to success lies in understanding both the tools available and the strategic thought process that makes them work.

Ký hiệu môn loại: 658.872/C430T

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006660

36/. HBR guide to coaching employees : Give effective feedback. Foster steady growth. Motivate star performers / Candice Frankovelga, Edward M. Hallowell, Jim Dougherty.... - Boston : Harvard Business Review Press, 2014. - 169 p. ; 22 cm. - (Harvard business review guides)

Ind.: p. 165-169

Ký hiệu môn loại: 658.3124/H000B

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006592

37/. HBR guide to finance basics for managers : Speak the language. Decide with data. Manage profitably / David Stauffer, Jamie Bonomo, Andy Pasternak.... - Boston : Harvard Business Review Press, 2012. - ix, 174 p. ; 23cm. - (Harvard business review guides)

Ind.: p. 169-174

Ký hiệu môn loại: 658.15/H000B

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006593

38/. HBR guide to getting the right work done : Stay focused. Accomplish more. Manage your energy / Peter Bregman, Heidi Grant Halvorson, Daniel McGinn.... - Boston : Harvard Business Review Press, 2012. - xi, 184 p. ; 22cm. - (Harvard business review guides)

Ký hiệu môn loại: 650.11/H000B

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006589

39/. HBR guide to making every meeting matter / Amy Gallo, Elizabeth Grace Saunders, Al Pittampalli.... - Boston : Harvard Business Review Press, 2016. - xi, 225 p. : tab. ; 23 cm. - (Harvard Business Review guides)

Ind.: p. 219-225

Ký hiệu môn loại: 658.456/H000B

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006584

40/. HBR guide to managing up and across : Build relationships. Herd cats. Gain influence / Linda A. Hill, Kent Lineback, Lew McCreary.... - Boston : Harvard Business Review Press, 2013. - x, 192 p. ; 22 cm. - (Harvard business review guides)
Ind.: p. 189-192

Ký hiệu môn loại: 650.13/H000B

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006586

41/. HBR guide to project management : Motivate your team. Avoid scope creep. Deliver results / Loren Gary, Gary Klein, Ron Ashkenas.... - Boston : Harvard Business Review Press, 2012. - x, 171 p. ; 22 cm. - (Harvard business review guides)
Ind.: p. 167-170

Ký hiệu môn loại: 658.404/H000B

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006587

42/. JARAMILLO, SANTIAGO. Agile engagement : How to drive lasting results by cultivating a flexible, responsive, and collaborative culture / Santiago Jaramillo, Todd Richardson. - Hoboken : Wiley, 2017. - xv, 256 p. ; 24cm

Ký hiệu môn loại: 658.312/A100G

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006641

43/. JOHANSSON, FRANS. The Medici effect : what elephants and epidemics can teach us about innovation / Frans Johansson.. - Boston, Massachusetts : Harvard Business Review Press, 2017. - xxix, 219 pages ; 21cm

Ký hiệu môn loại: 658.4063/M200D

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006618

44/. KARLGAARD, RICHARD. The soft edge : Where great companies find lasting success / Rich Karlgaard ; Foreword: Tom Peters ; Afterword: Clayton M. Christensen. - 1st ed.. - San Francisco : Jossey-Bass, 2014. - xix, 251 p. ; 24cm
Bibliogr.: p. 223-232. - Ind.: p. 238-251

Ký hiệu môn loại: 658.4/S427T

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006652

45/. KARLSON, LAWRENCE C.,. Corporate value creation : an operations framework for nonfinancial managers / Lawrence C. Karlson.. - Hoboken, New Jersey : John Wiley & Sons, Inc., 2015. - xx, 627 pages : illustrations ; 26cm. - (The Wiley corporate F&A series)
Includes bibliographical references (page 611) and index.

Ký hiệu môn loại: 658.155/C434P

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006667

46/. KARLSON, LAWRENCE C. Corporate value creation : an operations framework for nonfinancial managers / Lawrence C. Karlson.. - Hoboken, New Jersey : John Wiley & Sons, Inc, 2015. - xx, 627 pages ; 24cm. - (The Wiley corporate F&A series)
Includes bibliographical references (page 611) and index.

Ký hiệu môn loại: 658.155/C434P

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006627

47/. KUZMESKI, MARIBETH. The connectors : how the world's most successful businesspeople build relationships and win clients for life / Maribeth Kuzmeski. - Hoboken, N.J. : Wiley, 2009. - xiv, 258 p. ; 24cm

Ký hiệu môn loại: 658.812/C430N

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006604

48/. LEVY, REYNOLD.. Yours for the asking : An indispensable guide to fundraising and management / Reynold Levy.. - Hoboken, N.J. : John Wiley & Sons, 2008. - xxx, 209 p. ; 24cm. - (Includes bibliographical references and index.)

Ký hiệu môn loại: 658.15224/Y430R

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006634-6635

49/. LIBAVA, JOEL. Become a franchise owner! : The start-up guide to lowering risk, making money, and owning what you do / Joel Libava. - Hoboken, N.J. : Wiley, 2012. - xx, 261 p. ; 24cm

58/. SARDER, RUSSELL. Building an innovative learning organization : A framework to build a

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006637

50/. Managing time : Focus on what matters, avoid distractions, get things done. - Boston : Harvard Business Review Press, 2014. - viii, 85 p. : fig., tab. ; 18cm

Bibliogr.: p. 75-76. - Ind.: p. 81-85

Ký hiệu môn loại: 650.11/M105A

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006632

51/. MARSTON, CAM. Generational selling tactics that work : Quick and dirty secrets for selling to any age group / Cam Marston.. - Hoboken, NJ : John Wiley & Sons, 2011. - xiii, 241 p. ; 24cm

Ký hiệu môn loại: 658.85/G203E

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006658

52/. MAYLETT, TRACY. The employee experience : How to attract talent, retain top performers, and drive results / Tracy Maylett, Matthew Wride. - Hoboken : Wiley, 2017. - xvii, 219 p. : fig. ; 24cm

App.: p. 199-200. - Ind.: p. 209-219

Ký hiệu môn loại: 658.314/E202P

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006605

53/. MURPHY, JAMES, 1954-. Courage to execute : what elite U.S. military units can teach business about leadership and team performance / James D. Murphy.. - Hoboken, New Jersey : John Wiley & Sons, Inc., 2014. - xi, 196 p. ; 24cm

Ký hiệu môn loại: 658.401/C435R

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006603

54/. PARK, C. WHAN. Brand admiration : Building a business people love / C. Whan Park, Deborah J. MacInnis, Andreas B. Eisengerich ; Foreword: Allen Weiss. - Hoboken : Wiley, 2016. - xxii, 270 p. : fig., tab. ; 24cm

Bibliogr. at the end of the chapter. - Ind.: p. 263-270

Ký hiệu môn loại: 658.827/BR105D

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006674

55/. Performance reviews : Prepare for the meeting, offer constructive feedback, discuss tough topics. - Boston : Harvard Business Review Press, 2015. - viii, 116 p. : tab. ; 18 cm. - (20 minute manager series)

Bibliogr.: p. 107-108. - Ind.: p. 109-116

Ký hiệu môn loại: 658.3125/P206F

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006633

56/. ROTHSCHILD, STEVE. The non nonprofit : For-profit thinking for nonprofit success / Steve Rothschild ; Foreword: Bill George. - 1st ed.. - San Francisco : Jossey-Bass, 2012. - xii, 238 p. ; 24cm

App.: p. 203-216. - Ind.: p. 229-238

Ký hiệu môn loại: 658.048/N430N

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006653

57/. RUBACK, RICHARD S.. HBR guide to buying a small business / Richard S. Ruback, Royce Yudkoff. - Boston : Harvard Business Review Press, 2017. - x, 302 p. ; 23cm. - (Harvard Business Review guides)

App.: p. 279-288. - Ind.: p. 289-300

Ký hiệu môn loại: 658.162/H000B

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006581

262 p. : fig. ; 24cm

Bibliogr.: p. 225-239. - Ind.: p. 251-262

Ký hiệu môn loại: 658.3124/B510D

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006675

59/. SCHEINROCK, JEFF,. The agile start-up : quick and dirty lessons every entrepreneur should know / Jeff Scheinrock, Matt Richter-Sand.. - Hoboken, New Jersey : John Wiley & Sons, Inc., 2013. - xvii, 349 p : color illustrations ; 24cm

Includes bibliographical references (pages 339-340) and index.

Ký hiệu môn loại: 658.11/AG301E

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006677

60/. SCHENCK, BARBARA F.. Business plans kit for dummies / Barbara F Schenck.. - 5th edition. - Indianapolis, IN : John Wiley and Sons, 2016. - 392p. ; 24cm

Ký hiệu môn loại: 658.4012/B521-I

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006661

61/. SCOTT, DAVID MEERMAN. The new rules of sales and service : How to use agile selling, real-time customer engagement, big data, content, and storytelling to grow your business / David Meerman Scott. - Hoboken : Wiley, 2016. - xi, 292 p. ; 24cm

Ký hiệu môn loại: 658.8/N207R

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006611

62/. SHAPIRO, MARY.. HBR guide to leading teams / Mary Shapiro.. - Boston, Massachusetts : Harvard Business Review Press, 2015. - xv, 165 pages ; 23cm. - (Harvard business review guides)

Ký hiệu môn loại: 658.4022/H000B

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006588

63/. SHEEN, RAYMOND.. HBR guide to building your business case / Raymond Sheen with Amy Gallo.. - Boston, Massachusetts : Harvard Business Review Press, 2015. - xv, 149 pages : illustrations ; 23cm. - (Harvard Business Review guides)

Ký hiệu môn loại: 658.4012/H000B

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006590

64/. SMART, ROLAND. The agile marketer : turning customer experience into your competitive advantage / Roland Smart.. - Hoboken, New Jersey : Wiley, 2016. - xiii, 219 pages ; 24cm

Includes bibliographical references and index.

Tóm tắt: "This book is for marketing leaders who are attempting to modernize their marketing practices, the platforms that support them- so that they can partner with the chief product officer to innovate, drive the business, and establish competitive advantage. It's also for marketers who recognize a unique opportunity to position marketing as the "steward" not just of the brand but of customer experience across the board"-- |c Provided by publisher.

Ký hiệu môn loại: 658.8/AG301E

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006676

65/. STOWELL, STEVEN J.. The art of strategic leadership : How to guide teams, create value, and apply techniques to shape the future / Steven J. Stowell, Stephanie S. Mead. - Hoboken : Wiley, 2016. - xii, 192 p. ; 22cm

Ký hiệu môn loại: 658.4092/A109T

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006642

66/. STRATTEN, SCOTT. Unselling : The new customer experience / Scott Stratten, Alison Kramer. - Hoboken : Wiley, 2014. - vi, 234 p. : ill. ; 24cm

Ind.: p. 231-234

Ký hiệu môn loại: 658.8/U512S

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006623-6624

67/. TENNEY, MATT. The mindfulness edge : How to rewire your brain for leadership and personal

- excellence without adding to your schedule / Matt Tenney, Tim Gard. - Hoboken : Wiley, 2016. - xxiv, 264 p. ; 24cm
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006616
- 77/. WORLEY, CHRISTOPHER G.. Becoming agile : how the SEAM approach to management
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006616
- 68/. THULL, JEFF. Exceptional selling : How the best connect and win in high stakes sales / Jeff Thull. - Hoboken, N.J. : John Wiley & Sons, 2006. - xxxii, 238 p. : ill. ; 24cm
Includes index.
Ký hiệu môn loại: 658.85/E207C
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006607
- 69/. VOLLENWEIDER, MARC. Mind+machine : A decision model for optimizing and implementing analytics / Marc Vollenweider. - Hoboken : Wiley, 2017. - xx, 297 p. : fig., tab. ; 24cm
Bibliogr.: p. 283-286. - Ind.: p. 289-297
Ký hiệu môn loại: 658.403/M311D
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006579
- 70/. W. CHAN KIM. Blue ocean strategy : how to create uncontested market space and make the competition irrelevant / W. Chan Kim, Renée Mauborgne. - Boston : Harvard Business Review Press, 2015. - xxviii, 287 p. ; 24cm
Ký hiệu môn loại: 658.802/BL506-O
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006638
- 71/. WATERS, JOE. Fundraising with businesses : 40 new (and improved!) strategies for nonprofits / Joe Waters. - Hoboken : Wiley, 2014. - xx, 284 p. ; 24cm. - (Wiley nonprofit authority series)
Ind.: p. 274-284
Ký hiệu môn loại: 658.15224/F512R
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006669
- 72/. WATERS, JOE. Fundraising with businesses : 40 new (and improved!) strategies for nonprofits / Joe Waters. - Hoboken : Wiley, 2014. - xx, 284 p. ; 24cm
Ký hiệu môn loại: 658.15224/F512D
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006636
- 73/. WEISS, JEFF. HBR guide to negotiating / Jeff Weiss. - Massachusetts : Harvard Business Review Press, 2016. - xvii, 177 p. : tab. ; 23 cm
Ind.: p. 173-177
Ký hiệu môn loại: 658.4052/H000B
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006585
- 74/. WHISTMAN, JONATHAN. The sales boss : The real secret to hiring, training and managing a sales team / Jonathan Whistman. - Hoboken : Wiley, 2016. - xii, 260 p. ; 24cm
Ký hiệu môn loại: 658.8102/S103E
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006620
- 75/. WHITTINGTON, RAY. Principles of Auditing and Other Assurance Services / Kurt Pany, Ray Whittington. - English : McGraw-Hill Education, 2013. - 827p. ; 28cm
Ký hiệu môn loại: 657.45/PR311C
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006577-6578
- 76/. WIND, YORAM. Beyond advertising : Creating value through all customer touchpoints / Yoram (Jerry) Wind, Catharine Findiesen Hays, The Wharton Future of Advertising Innovation Network. - Hoboken : Wiley, 2016. - xxiv, 261 p. ; 24cm
Ký hiệu môn loại: 659.1/B207-O
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006640

series)

Includes index.

Ký hiệu môn loại: 658.4/B201-O

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006678

78/. WRIGHT, VAL. Thoughtfully ruthless : the key to exponential growth / Val Wright.. - Hoboken, New Jersey : Wiley; 2016, 2015. - xv, 208 pages : illustrations ; 24cm

Includes bibliographical references and index.

Ký hiệu môn loại: 658.409/TH435G

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006548

79/. WRIGHT, VAL. Thoughtfully ruthless : The key to exponential growth / Val Wright. - Hoboken : Wiley, 2016. - xv, 208 p. ; 24cm

App.: p. 185-200. - Ind.: p. 203-208

Ký hiệu môn loại: 658.409/TH435G

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006621

Y HỌC

1/. BOOTH, KATHRYN A.. Medical assisting : Administrative and clinical procedures including anatomy and physiology / Kathryn A. Booth, Leesa G. Whicker, Terri D. Wyman. - 5th ed.. - New York : McGraw-Hill, 2014. - xxxiii, 1352 p. : ill. ; 29cm

Ind.: p. 1299-1352

Ký hiệu môn loại: 610.7372069/M200D

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006600

2/. BRONSON, MARY H.. Teen health : Course 3 / Mary H. Bronson, Michael J. Cleary, Betty M. Hubbard. - Columbus : Glencoe/McGraw-Hill, 2009. - xxii, 650 p. : ill. ; 26 cm

Ind.: p. 632-648

Ký hiệu môn loại: 613/T201N

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006596-6597

3/. BUCK, CAROL J.. 2017 ICD-10-CM : Includes netter's anatomy art / Carol J. Buck. - Standard ed.. - Missouri : Elsevier, 2017. - lxiv, NAP-32, 1518 p. : ill. ; 28 cm

Ký hiệu môn loại: 616.0012/H103N

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006570-6571

4/. Maternal child nursing care in Canada / Shannon E. Perry, Marilyn J. Hockenberry, Deitra Leonard Lowdermilk.... - Toronto : Elsevier Canada, 2013. - xxii, 1828 p. : ill. ; 28 cm

Bibliogr. at the end of the chapter. - Ind.: p. 1779-1828

Ký hiệu môn loại: 618.9200231/M110E

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006573-6574

5/. RETELNY, VICTORIA SHANTA. Total body diet for dummies / by Victoria Shanta Retelny.. - Hoboken, New Jersey : John Wiley and Sons, Inc., 2016. - xvi, 278p. ; 24cm. - (For dummies, ® a Wiley brand)

Includes index.

6/. STONE, JOANNE,. Pregnancy all-in-one for dummies / by Joanne Stone, MD, Keith Eddleman, MD, Catherine Cram, MS, Tara Gidus Collingwood, MS, RDN, CSSD, Rachel Gurevich, Matthew M.F. Miller, Sharon Perkins, RN, Tere Stouffer, and Carol Vannais, RN.. - Hoboken, NJ : John Wiley & Sons, 2016. - xxii, 448 p. : ill. ; 24 cm
Tóm tắt: The easy way to develop your own personal weight loss plan. Fad diets are ineffective at best and downright dangerous at worst. In collaboration with the Academy of Nutrition and Dietetics, this

Ký hiệu môn loại: 613.25/T435A

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006664

Sons, Inc., 2016. - xxi, 543 pages : illustrations ; 24cm. - (Learning made easy)

"6 books in one!"--cover.

Tóm tắt: A comprehensive guide to pregnancy, childbirth, and breastfeeding includes information on finding a doctor, creating a birth plan, diet and exercise routines, breastfeeding challenges, and pregnancies with special considerations.

Ký hiệu môn loại: 618.2/PR201N

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006663

7/. Study guide for medical-surgical nursing : Assessment and management of clinical problems / Prepare: Susan A. Sandstrom, Sharon L. Lewis. - 9th ed.. - Missouri : Elsevier, 2014. - iv, 469 p. : ill. ; 28cm

Ký hiệu môn loại: 617.0231076/ST506Y

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006572

8/. Wardlaw's perspectives in nutrition / Carol Byrd-Bredbenner, Gaile Moe, Jacqueline Berning, Danita Kelley. - 10th ed.. - New York : McGraw-Hill, 2016. - xxxiii, 690 p. : ill. ; 29cm

Bibliogr. at the end of chapter. - App.: p. A1-A207. - Ind.: p. I1-I22

Ký hiệu môn loại: 612.3/W109L

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006601

9/. WEISSMAN, BARBARA N.. Imaging of arthritis and metabolic bone disease / Joshua M. Farber, Nayer Nikpoor, Hiroshi Yoshioka... ; Ed.: Barbara N. Weissman. - Philadelphia : Saunders/Elsevier, 2009. - xix, 749 p. : ill. ; 29cm

Bibliogr. at the end of chapter. - Ind.: p. 729-749

Ký hiệu môn loại: 616.7220754/I-310A

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006594

THỂ THAO, NGHỆ THUẬT VUI CHƠI GIẢI TRÍ VÀ BIỂU DIỄN

1/. MARVINE, DEE. The lady rode bucking horses : The story of Fannie Sperry Steele, woman of the West / Dee Marvine. - Guilford : TwoDot, 2016. - xiii, 286 p. : phot. ; 23cm

Ký hiệu môn loại: 791.84092/L100D

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006683

2/. MELTZE, BRAD. I am Lucille Ball / Brad Meltzer ; Ill.: Chris Eliopoulos. - New York : Dial Books for Young Readers, 2015. - 40 p. : pic. ; 20cm. - (Ordinary people change the world)

Ký hiệu môn loại: 791.45028092/I-300A

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NATN.000220-221

3/. TOCQUIGNY, RICK. Life lessons from family vacations : Trips that transform / Rick Tocquigny. - Lanham... : Taylor Trade Publishing, 2015. - 224p. : ill. ; 17cm

Ký hiệu môn loại: 790.1/L309E

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006684

VĂN HỌC & TU TỪ HỌC

1/. ABELMANN, JERYL. Quickly : The magic spatula / Jeryl Abelman, Miriam Kronish, Chason Matthams. - America : by Bookmasters, 2008. - 35p. ; 28cm

Ký hiệu môn loại: 813/Q510C

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NATN.000230-231

2/. BUCKLEY, MICHAEL. Nerds. - New York: Amulet Books. - 22cm

Book 5 : Attack of the Bullies. - 2013. - xv, 302 p.: pic.

Ký hiệu môn loại: 813/N206D

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NATN.000216-217

3/. BULLOCK, RICHARD. The Norton field guide to writing, with readings and handbook / Richard Bullock. - New York, London : Norton & Company, 2013. - 986p. ; 24cm

Ký hiệu môn loại: 808.042/N434T

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006682

4/. BULLOCK, RICHARD H. The Little Seagull handbook / Richard Bullock, Wright State University, Michal Brody, San Francisco State University, Francine Weinberg.. - New York : W.W. Norton & Company, 2014. - x, 401 pages : color illustrations ; 19cm
Includes bibliographical references (pages 355-356) and indexes.

Ký hiệu môn loại: 808.42/L314T

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006680-6681

5/. CONDIE, ALLYSON BRAITHWAITE. Atlantia / Allyson Braithwaite Condie. - New York : Dutton Books, 2014. - 298 p. ; 24 cm

Ký hiệu môn loại: 813.6/A110L

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006718

6/. Everyone's an author : With readings / Andrea Lunsford, Michal Brody, Lisa Ede... ; Ed.: Marilyn Moller. - New York ; London : W.W. Norton and Company, 2013. - xxxiv, 1015 p. : ill. ; 21 cm

Ký hiệu môn loại: 808.042/E207E

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006717

7/. FORMAN, GAYLE. If i stay / Gayle Forman. - New York : Viking, 2009. - 259p. ; 22cm

Ký hiệu môn loại: 813/I-309-I

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006725-6726

8/. GORDON, JON,. Thank you and good nigh / Jon Gordon ; illustrated by Donald Wallace.. - Hoboken, New Jersey : Wiley, 2016. - p. ; 24cm

Tóm tắt: A little boy and girl go on an all-night adventure where they explore people, places and things for which they are thankful.

Ký hiệu môn loại: 813/TH107Y

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NATN.000232-233

9/. GREENWALD, LISA. Reel life starring us / Lisa Greenwald. - New York : Amulet Books, 2011. - 294p. ; 22cm

Ký hiệu môn loại: 813/R201L

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006711-6712

10/. GREENWALD, LISA. Sweet treats & secret crushes / Lisa Greenwald. - New York : Amulet Books, 2010. - 291p. ; 22cm

Ký hiệu môn loại: 813.54/SW201T

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006723-6724

11/. GREENWALD, LISA. Welcome to Dog Beach / Lisa Greenwald. - New York : Amulet Books, 2014. - 260 p. ; 22cm

Ký hiệu môn loại: 813.6/W201C

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006695-6696

12/. MYRACLE, LAUREN. The infinite moment of us / Lauren Myracle. - New York : Amulet Books, 2013. - 316 p. ; 22cm

Ký hiệu môn loại: 813.6/I-311F

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006697-6698

13/. O'PORTER, DAWN. Paper airplanes / Dawn O'Porter. - New York : Amulet Books, 2014. - 254 p. ; 24cm

Ký hiệu môn loại: 823.92/P109E

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006721-6722

14/. POTTER, BEATRIX. The tale of Kitty-in-boots / Written: Beatrix Potter ; Ill.: Quentin Blake. - New York : Frederick Warne, 2016. - 69p. : pic. ; 27cm

Ký hiệu môn loại: 823/T100L

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NATN.000228-229

- 15/. PROBST, JEFF. Forbidden passage / Jeff Probst, Chris Tebbetts. - New York : Puffin Books, 2014. - 146 p. ; 20cm
Ký hiệu môn loại: 813/F434B
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006699-6700
- 16/. ROCKLIN, JOANNE.. The five lives of our cat Zook / Joanne Rocklin.. - New York : Amulet Books, 2012. - 218p. ; 20cm
Tóm tắt: As ten-year-old Oona and her younger brother conspire to break their sick cat Zook out of the veterinary clinic, Oona tells the story of Zook's previous lives.
Ký hiệu môn loại: 813/F315E
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NATN.000226-227
- 17/. ROCKLIN, JOANNE. Fleabrain loves Franny / Joanne Rocklin. - New York : Amulet Books, 2014. - 278 p. ; 20cm
Ký hiệu môn loại: 813.54/FL200B
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006703-6704
- 18/. SKILTON, SARAH. Bruised / Sarah Skilton. - New York : Amulet Books, 2013. - 274 p. ; 22cm
Ký hiệu môn loại: 813.6/BR510S
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006701-6702, NA.006719-6720
- 19/. Teaching with heart : poetry that speaks to the courage to teach / Sam M. Intrator and Megan Scribner, editors ; foreword by Parker J. Palmer ; introduction by Taylor Mali ; afterword by Sarah Brown Wessling.. - First edition.. - San Francisco : Jossey-Bass, 2014. - xxxii, 251 pages ; 19cm
Tóm tắt: "Each and every day teachers show up in their classrooms with a relentless sense of optimism. Despite the complicated challenges of schools, they come to and remain in the profession inspired by a conviction that through education they can move individuals and society to a more promising future. In Teaching with Heart: Poetry that Speaks to the Courage to Teach a diverse group of ninety teachers describe the complex of emotions and experiences of the teaching life - joy, outrage, heartbreak, hope, commitment and dedication. Each heartfelt commentary is paired with a cherished poem selected by the teacher. The contributors represent a broad array of educators: K-12 teachers, principals, superintendents, college professors, as well as many non-traditional teachers. They range from first year teachers to mid-career veterans to those who have retired after decades in the classroom. They come from inner-city, suburban, charter and private schools
Ký hiệu môn loại: 811/T200C
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006679
- 20/. The Norton introduction to literature / [edited by] Kelly J. Mays.. - Twelfth edition.. - New York : W.W. Norton & Company,, 2016. - xxxv, 2330, 49 pages : illustrations ; 25cm
Includes bibliographical references and indexes.
Ký hiệu môn loại: 808.8/N434T
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006707-6708
- 21/. THOMAS, SHELLEY MOORE. Secrets of Selkie bay / Shelley Moore Thomas. - New York : Farrar Straus Giroux, 2015. - 199 p. ; 19cm
Ký hiệu môn loại: 813.54/S201R
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006694
- 22/. The Norton anthology of American literature. - New York, London: W.W. Norton & Company. - 24cm
Vol. A : Beginnings to 1820. - 2012. - 4 v. : ill. (some col.), maps (some col.)
Ký hiệu môn loại: 810.8/N434T
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006686-6687
- 23/. The Norton anthology of American literature. - New York, London: W.W. Norton & Company. - 24cm
Vol. B : 1820 - 1865. - 2012. - 4 v. : ill. (some col.), maps (some col.)
Ký hiệu môn loại: 810.8/N434T

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006685

24/. The Norton anthology of American literature. - New York, London: W.W. Norton & Company. - 24cm

Vol. C : 1865 - 1914. - 2012. - 4 v. : ill. (some col.), maps (some col.)

Ký hiệu môn loại: 810.8/N434T

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006688-6689

25/. The Norton anthology of American literature. - New York, London: W.W. Norton & Company. - 24cm

Vol. D : 1914 - 1945. - 2012. - 4 v. : ill. (some col.), maps (some col.)

Ký hiệu môn loại: 810.8/N434T

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006690-6691

26/. The Norton anthology of American literature. - New York, London: W.W. Norton & Company. - 24cm

Vol. E : Literature since 1945. - 2012. - 4 v. : ill. (some col.), maps (some col.)

Ký hiệu môn loại: 810.8/N434T

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006692-6693

27/. WING, NATASHA. The night before kindergarten / By Natasha Wing ; Illustrated by Julie Durrell. - New York : Grosset & Dunlap, 2001. - 30p. ; 21cm

Tóm tắt: When a group of children prepares for and experiences the first day of kindergarten, the parents are the ones who have trouble adjusting

Ký hiệu môn loại: 811.54/N309H

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NATN.000006-7, NATN.000218-219

28/. Yellow copter / Kersten Hamilton ; Ill.: Valeria Petrone. - New York : Viking, 2015. - 24 p. ; 20cm

Ký hiệu môn loại: 813/Y601L

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NATN.000222

LỊCH SỬ & ĐỊA LÝ

1/. COLE, JOSHUA. Western civilizations / Joshua Cole. - New York, London: W.W. Norton & Company. - 27cm

Vol.1. - 2014. - 545p.

Ký hiệu môn loại: 909.09821/W206T

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006715-6716

2/. FONER, ERIC. Give me liberty! / Eric Foner. - New York, London: W.W. Norton & Company. - 22cm

Vol.2 : from 1865. - 2014. - 909p.

Ký hiệu môn loại: 973/G315E

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006706

3/. FONER, ERIC. Give me liberty! / Eric Foner. - New York, London: W.W. Norton & Company. - 22cm

Vol.1. - 2014. - 909p.

Ký hiệu môn loại: 973/G315E

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006705

4/. ROSS, HEATHER. How to catch a frog : And other stories about family, love, dysfunction, survival, and DIY / Heather Ross. - New York : STC Craft, 2014. - 240p. ; 24cm

Ký hiệu môn loại: 974.3043/H435T

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006713-6714

ĐỊA LÝ VÀ DU HÀNH

1/. Exploring our world / Richard G. Boehm, Francis P. Hunkins, Armstrong David G..... - Columbus :

Glencoe/McGraw-Hill, 2010. - xviii, 766 p.: ill. ; 26cm

Ký hiệu môn loại: 910/E207P

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006728

2/. FULLER, GARY. The trivia lover's guide to even more of the world : Geography for the global generation / Gary Fuller.. - Lanham : Rowman & Littlefield, 2015. - xv, 205 pages : illustrations (some color), color maps ; 23cm

Ký hiệu môn loại: 910/TR315-I

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006709

3/. MCGUIRE, KELLY ANN. Hotel pricing in a social world : driving value in the digital economy / Kelly A. McGuire. - Hoboken, New Jersey : John Wiley & Sons, Inc., 2016. - xxii, 329p. : ill. ; 24cm

Ký hiệu môn loại: 910.46068/H435E

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006727

CHÍNH TRỊ

1/. O'BRIEN, MARY BARMAYER. Jeannette Rankin : Bright Star in the Big Sky / Mary Barmeyer O'Brien. - Guilford, Connecticut : TwoDot, 2016. - xiii, 66 pages : illustrations ; 24cm

Bibliogr.: p. 59-62. - Ind.: p. 63-65

Ký hiệu môn loại: 328.73092/J200N

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006550

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CÁC HỆ THỐNG LIÊN QUAN

1/. NGÔ XUÂN LỊCH. Quân đội nhân dân Việt Nam trung với Đảng, hiếu với dân / Ngô Xuân Lịch. - H. : Quân đội nhân dân, 2017. - 440tr. ; 24cm

Ký hiệu môn loại: 335.009597/QU121Đ

Số ĐKCB: Kho Đọc: VV.010871

Kho Mượn: MV.061079-61080

Kho lưu động: LD.025900-25901

KINH TẾ

1/. Economics: Today and Tomorrow / by McGraw-Hill Education (Author). - New York : McGraw-Hill Education, 2008. - 537p. ; 30cm

Ký hiệu môn loại: 330/E201-O

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006507

2/. FISHER, KENNETH L.. Markets never forget (but people do) : How your memory is costing you money--and why this time isn't different / Ken Fisher, Lara Hoffmans. - Hoboken : John Wiley and Sons, 2011. - xix, 216 p. : ill. ; 24cm

Ind.: p.211-216

Ký hiệu môn loại: 332.6/M109K

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006551

3/. GRUBB, VALERIE M.. Clash of the generations : Managing the new workplace reality / Valerie M. Grubb. - Hoboken : Wiley, 2017. - xiii, 192 p. ; 24cm

Ký hiệu môn loại: 331.3/CL109H

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006506

4/. KAUFMAN, PERRY J.. A guide to creating a successful algorithmic trading strategy / Perry J. Kaufman. - Hoboken : Wiley, 2016. - xi, 177 p. : ill. ; 19cm. - (Wiley trading series)

Bibliogr.: p. 169-172. - Ind.: p. 173-177

Ký hiệu môn loại: 332.60285/G510D

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006515

5/. KAUFMAN, PERRY J.. A guide to creating a successful algorithmic trading strategy / Perry J. Kaufman. - Hoboken : Wiley, 2016. - xi, 177 p. ; 19 cm. - (Wiley trading series)

Ký hiệu môn loại: 332.60285/G510D

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006525

6/. KHOUW, MICHAEL C.. The options edge + free trial : An intuitive approach to generating consistent profits for the novice to the experienced practitioner / Michael C. Khouw, Mark W. Guthner. - New Jersey : Wiley, 2016. - vii, 338 p. : fig. ; 24cm. - (Wiley trading)

Ký hiệu môn loại: 332.632283/O-434T

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006533-6534

7/. KOCHIS, TIM. Managing concentrated stock wealth : An advisor's guide to building customized solutions / Tim Kochis, Michael J. Lewis. - 2nd ed.. - Hoboken : Bloomberg Press, 2016. - xxiii, 203 p. ; 24cm. - (Bloomberg financial series)

Ký hiệu môn loại: 332.6322/M105A

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006639

8/. KRANZ, MACIEJ. Building the internet of things : Implement newbusiness models, disrupt competitors, and transform your industry / Maciej Kranz. - Hoboken : Wiley, 2017. - xi, 260 p. : fig. ; 24cm

Ký hiệu môn loại: 331.3/B510L

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006505

9/. MCCONNELL, CAMPBELL R.. Economics : Principles, problems, and policies / Campbell R. McConnell, Sean M. Flynn, Stanley L. Brue. - New York : McGraw-Hill School Education Group, 2012. - 928p. ; 25cm

Ký hiệu môn loại: 330/E200C

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006508

10/. PEDDICORD, KATHLEEN. How to buy real estate overseas / Kathleen Peddicord. - Hoboken : Wiley, 2013. - viii, 248 p. ; 24cm

App.: p. 215-236. - Ind.: p. 239-248

Ký hiệu môn loại: 332.6324/H435T

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006529

11/. PONSI, ED. Technical analysis and chart interpretations : a comprehensive guide to understanding established trading tactics for ultimate profit / Ed Ponsi.. - Hoboken, New Jersey : Wiley, 2016. - xv, 368 pages : illustrations ; 24cm

Includes index.

Ký hiệu môn loại: 332.63/T201H

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006535-6536

12/. ROMANS, CHRISTINE. Smart is the new rich : Money guide for millennials / Christine Romans. - Hoboken : Wiley, 2015. - xvi, 208 p. ; 24cm

Ký hiệu môn loại: 332.024/SM109T

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006523

13/. SCHWARTZ, BEVERLY. Rippling : How social entrepreneurs spread innovation throughout the world / Beverly Schwartz ; Foreword: Bill Drayton. - 1st ed.. - San Francisco : Jossey-Bass, 2012. - xviii, 269 p. ; 24cm

Bibliogr.: p. 251-256. - Ind.: p. 261-269

Ký hiệu môn loại: 338.04/R313P

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006543

14/. SESTINA, JOHN E.. Planning a successful future = John E. Sestina : Managing to be wealthy for individuals and their advisors / individuals and their advisors. - Hoboken : Wiley, 2016. - 226p. : fig., tab. ; 24cm

Ký hiệu môn loại: 332.02401/PL105N

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006526

15/. TIMMERMAN, KELSEY. Where am I eating? : An adventure through the global food economy :

With discussion questions and a guide to going "glocal" / Kelsey Timmerman. - Hoboken : Wiley, 2014.
- xvi, 301 p. : phot. ; 24cm

Ký hiệu môn loại: 338.19/WH206E

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006524

16/. ZILKO, DAVE. Irrational persistence : seven secrets that turned a bankrupt startup into a \$231,000,000 business / Dave Zilko, Former Vice Chairman of Garden Fresh.. - Hoboken, New Jersey : Wiley, 2016. - xviii, 170 pages ; 24cm

Includes index.

Tóm tắt: "Two middle-aged guys a million dollars in debt started a company with that now has more than 100 million dollars in annual revenue using "irrational persistence." The key - for both startups and established enterprises -- is to build so many strategic advantages into your products and business that your sales force doesn't have to sell anything--they just have to do what Woody Allen famously said was 80% of success: show up. Dave Zilko's Garden Fresh Gourmet now ships over a million units a week to Costco, Walmart, Whole Foods and other national chains. It is the #1 brand of fresh salsa in the United States, the third largest hummus manufacturer in the country

Ký hiệu môn loại: 338.766458/I-313R

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006546

PHÁP LUẬT

1/. FLOOD, JOANNE M.. Wiley revenue recognition : Understanding and implementing the new standard / Joanne M. Flood. - New Jersey : Wiley, 2017. - v, 214 p. ; 24cm

Ký hiệu môn loại: 346.73063/W309E

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006516-6517

2/. NEWTON, GRANT W.. Bankruptcy and insolvency taxation / Grant W. Newton, Robert Liquerman.. - Hoboken, N.J. : John Wiley & Sons, 2012. - x, 740 p : ill. ; 26cm. - (Wiley corporate F&A)

Rev. ed. of: Bankruptcy & insolvency taxation. 3rd ed. c2005., Includes bibliographical references and indexes.

Ký hiệu môn loại: 343.7305/B105K

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006530-6531

3/. WELTMAN, BARBARA. J.K. Lasser's Guide to self-employment : Taxes, strategies and money-saving tips for Schedule C filers / Barbara Weltman.. - Hoboken, New Jersey : John Wiley & Sons, 2014. - xiii, 178 pages ; 24cm. - (J.K. Lasser book)

Includes index.

Ký hiệu môn loại: 343.73052/J000K

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006552

HÀNH CHÍNH CÔNG VÀ QUÂN SỰ

1/. LƯƠNG CƯỜNG. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam / Lương Cường. - H. : Quân đội nhân dân, 2017. - 392tr. ; 21cm

Ký hiệu môn loại: 355.009597/T550T

Số ĐKCB: Kho Đọc: VN.040890

Kho Mượn: MV.061077-61078

Kho lưu động: LD.025898-25899

CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI VÀ DỊCH VỤ XÃ HỘI

1/. EGGERS, WILLIAM D.. The solution revolution : How business, government, and social enterprises are teaming up to solve society's toughest problems / William D. Eggers, Paul Macmillan. - Bosto : Harvard Business Review Press, 2013. - 292p. : ill. ; 24cm

Ký hiệu môn loại: 361.8/S428U

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006528

GIÁO DỤC

- 1/. BEAUCHAT, KATHERINE A.. The building blocks of preschool success / Katherine A. Beauchat, Katrin L. Blamey, Sharon Walpole. - New York : Guilford Press, 2010. - x, 198 p. ; 26cm
Ký hiệu môn loại: 372.1102/B510L
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006608-6609
- 2/. Everyday mathematics : My reference book : The university of Chicago school mathematics project / Mary Ellen Dairyko, James Flanders, Rachel Malpass McCall, Cheryl G. Moran. - Chicago : McGraw- Hill, 2012. - viii, 171 p. : ill. ; 25cm
Ký hiệu môn loại: 372.7/E207E
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006539-6540
- 3/. Everyday mathematics : Student reference book : The university of Chicago school mathematics project / Max Bell, Jean Bell, John Bretzlauf.... - Chicago : McGraw-Hill, 2012. - xii, 354 p. : ill. ; 25cm
Ký hiệu môn loại: 372.7/E207E
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006541-6542
- 4/. Everyday mathematics : Student reference book : The university of Chicago school mathematics project / Max Bell, Jean Bell, John Bretzlauf.... - Chicago : McGraw Hill, 2012. - 356 p. ; 26cm
Ký hiệu môn loại: 372.7/E207E
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006518-6519
- 5/. Everyday mathematics : University of Chicago School Mathematics Project / Max Bell, Jean Bell, John Bretzlauf.... - Chicago : McGraw Hill, 2012. - xi, 452 p. ; 26cm
Ký hiệu môn loại: 372.72/E207E
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006520
- 6/. GUERNSEY, LISA. Tap, click, read : growing readers in a world of screens / Lisa Guernsey and Michael H. Levine. - San Francisco, CA : Jossey-Bass, A Wiley Imprint, 2015. - xiv, 286 pages : illustrations ; 24cm
Includes bibliographical references and index.
Ký hiệu môn loại: 372.60285/T109C
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006544
- 7/. HANSEN, CHRISTIAN K.. Time management for department chairs / Christian K. Hansen.. - San Francisco, CA : Jossey-Bass, 2011. - xii, 141 p. ; 24cm. - (Jossey-Bass resources for department chairs)
Includes bibliographical references (p. 131-133) and index
Ký hiệu môn loại: 378.1/T310E
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006545
- 8/. KING, KATHLEEN P.,. Technology and innovation in adult learning / Kathleen P. King.. - First Edition.. - San Francisco, CA : A Wiley Brand, 2017. - xiv, 288 pages ; 24cm
Includes bibliographical references (pages 255-280) and index.
Ký hiệu môn loại: 374.26/T201H
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006527
- 9/. ROUTMAN, REGIE. Literacy and learning lessons from a longtime teacher / Regie Routman. - Delaware : International Reading Association, 2012. - ix, 174 p. ; 23cm
Bibliogr.: p. 165-166. - Ind.: p. 167-174
Ký hiệu môn loại: 372.6/L314E
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006509-6510
- 10/. California mathematics. - Columbus: McGraw-Hill. - 29cm
Vol. 2. - 2009. - xxiv,p. 191-330, R32 p.: ill.
Ký hiệu môn loại: 372.6/C103-I
Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NATN.000223-224
- 11/. California mathematics. - Columbus: McGraw-Hill. - 29cm
Vol. 2. - 2009. - xxiv,p. 267-388, R40 p.: ill.

Ký hiệu môn loại: 372.6/C103-I

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NATN.000225

TIN HỌC, THÔNG TIN VÀ TÁC PHẨM TỔNG QUÁT

1/. BRADLEY, SEAN V.. Win the game of Google-opoly : Unlocking the secret strategy of search engines / Sean V. Bradley. - Hoboken : Wiley, 2015. - xxi, 249 p. : fig., phot. ; 24cm

Ký hiệu môn loại: 025.04252/W311T

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006500

TIN HỌC, TRI THỨC VÀ HỆ THỐNG

1/. ABRAHAM, NIKHIL,. Getting a coding job for dummies / by Nikhil Abraham, with Kathleen Taylor and Bud E. Smith.. - Hoboken, NJ : John Wiley & Sons, Inc., 2015. - viii, 278 pages : illustrations ; 24cm. - (For dummies)

Includes index.

Tóm tắt: Coding may be the hottest job skill of the decade. Whether you're starting college, planning a career change, or exploring new possibilities, this book gives you a roadmap to a career that's in demand and likely to keep growing. Learn what a coder does, where to acquire the skills, how to build a portfolio site and assess potential employers, and much more. Where the jobs are--explore the types of companies that hire coding professionals and the kind of work they do

Ký hiệu môn loại: 005.1/G207T

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006491

2/. BREEN, DEREK. Creating digital animations / by Derek Breen.. - Hoboken, NJ : John Wiley & Sons, Inc., 2016. - 122 pages : color illustrations ; 22cm. - (Dummies junior)

"Dummies junior"--Series statement from Amazon.com.

Tóm tắt: "Are you the next great animator? All you need to create your own animated worlds is a computer connected to the Internet, a free Scratch account, and the fun projects you'll find inside the book! Follow simple steps to make your own characters, backgrounds, and actions."

Ký hiệu môn loại: 005.133/CR200A

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006496

3/. BURD, BARRY. Java programming for Android developers for dummies / by Barry Burd.. - Hoboken, NJ : For Dummies, a Wiley Brand., 2017. - xi, 437 pages : illustration ; 24cm. - (For dummies)

Includes index.

Tóm tắt: "Master basic Java programming; created an Android program from start to finish; assemble and debug your own app"--Cover.

Ký hiệu môn loại: 005.133/J100V

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006490

4/. ÇALIŞKAN, MERT. Beginning Spring : Mert Çalışkan, Kenan Sevindik / Çalışkan, Mert. - Indianapolis : Wrox, a Wiley brand, 2015. - xxxviii, 438 p. : fig., tab. ; 24cm

Ind.: p. 425-438

Ký hiệu môn loại: 005.133/B200G

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006495

5/. DONAHOO, MICHAEL J.. TCP/IP sockets in C : Practical guide for programmers / Michael J. Donahoo, Kenneth L. Calvert. - Amsterdam... : Elsevier/Morgan Kaufmann, 2009. - xiii, 196p. : fig., tab. ; 24cm. - (The Morgan Kaufmann practical guides series/Ed.: Michael J. Donahoo)

Ký hiệu môn loại: 005.713762/T000C

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006498

6/. FAIN, YAKOV. Java programming 24-hour trainer / Yakov Fain. - Indianapolis : John Wiley and Sons, 2015. - xxxiii, 587 p. : fig. ; 24cm

Ký hiệu môn loại: 005.133/J111A

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006501

7/. HOLLAND, EVA.. Adventures in coding / Eva Holland.. - Indianapolis, IN : John Wiley and Sons, 2016. - 300p. ; 24cm

Ký hiệu môn loại: 005.1/A102V

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006499

8/. MINNICK, CHRIS. Writing computer code / by Chris Minnick, Eva Holland.. - Hoboken, NJ : Wiley, 2016. - iv, 124 pages : color illustrations ; 22cm. - (Dummies junior)

"Made by the people who make the For Dummies book!"--Cover.

Tóm tắt: Learning how to code can be like learning a foreign language. This book serves as an excellent guide to help you start writing in the odd-looking languages that make the web work. Follow simple steps as you work with real code to build your own web robots.

Ký hiệu môn loại: 005.1/WR314-I

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006497

9/. MUELLER, JOHN PAUL.. AWS for Admins for dummies / John Paul Mueller.. - Indianapolis, IN : John Wiley and Sons, 2016. - 384p. ; 24cm

Ký hiệu môn loại: 006.78/A111S

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006489

10/. POE, CURTIS.. Beginning Perl / Curtis "Ovid" Poe.. - Indianapolis, IN : John Wiley & Sons, Inc., 2012. - xxviii, 715 p ; 24cm

Includes index.

Ký hiệu môn loại: 005.2762/B201-I

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006493

11/. SCOTT, BRENDAN. Python for kids for dummies / by Brendan Scott.. - Hoboken, NJ : John Wiley & Sons, Inc., 2015. - 315 pages : color illustrations ; 24cm. - (For dummies)

Includes index.

Tóm tắt: Coding experts point to Python as one of the best languages to start with when you're learning coding. It's been a popular choice for schools and code camps who want to introduce coding to a younger audience. Python For Kids For Dummies helps teach the basics of coding and Python to kids who don't have the opportunity to take coding classes at school or in camp as well as those who simply prefer to learn on their own.

Ký hiệu môn loại: 005.133/P600T

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006492

12/. WEMPEN, FAITHE. Microsoft Office 2016 at work for dummies / by Faithe Wempen.. - Hoboken, NJ : John Wiley & Sons, 2015. - xi, 452 pages : illustrations ; 23cm. - (For dummies)

Includes index.

Tóm tắt: "It may seem like an eternity since your IT department upgraded you to the latest version of Microsoft Office. Prepare yourself, because Office 2016 is packed with updated features and new ways to increase your productivity in the office! With Office 2016 at Work For Dummies, we make it easy by breaking the content down into over 300 of the most common tasks and operations, providing you with straightforward, simple-to-navigate, approachable information. With four-color illustrations for visual support as your work through the tasks, and then nearly three hours of supporting video, you can choose your path for learning the ins and outs of Office 2016"

Ký hiệu môn loại: 005.5/M302R

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006494

13/. WENTK, RICHARD. Raspberry Pi for kids for dummies / Richard Wentk. - Hoboken, NJ : John Wiley & Sons, Inc., 2015. - viii, 338 pages ; 23cm

Ký hiệu môn loại: 004.1675/R109P

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006614

TRIẾT HỌC VÀ TÂM LÝ HỌC

1/. HBR everyday emotional intelligence / Annie McKee, Art Markman, Susan David.... - Boston :

Harvard Business Review Press, 2017. - xi, 244 p. ; 23cm. - (Harvard business review guides)

Bibliogr. in the text. - Ind.: p. 239-244

Ký hiệu môn loại: 152.4/H00B

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006504

2/. HBR guide to managing stress at work : Renew your energy. Lighten the load. Strike a better balance / Heidi Grant Hhalvorson, Bronwyn Fryer, Edward M. Hallowell.... - Boston : Harvard Business Review Press, 2014. - viii, 174 p. : ill. ; 22cm. - (Harvard business review guides)

Ký hiệu môn loại: 158.72/H000B

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006503

3/. HORNICKEL, JIM. Negotiating success : Tips and tools for building rapport and dissolving conflict while still getting what you want / Jim Hornickel. - Hoboken : Wiley, 2014. - xii, 258 p. : tab. ; 24cm

Ký hiệu môn loại: 158.5/N200G

Số ĐKCB: Kho Ngoại Văn: NA.006502